

ĐỊA 11- ÔN TẬP CHUYỂN BAN

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Lãnh thổ Hoa Kỳ có nhiều đới khí hậu do ảnh hưởng của

- A. địa hình và hình dạng lãnh thổ. B. trải dài trên nhiều kinh tuyến.
C. trải dài trên nhiều vĩ tuyến. D. lãnh thổ kéo dài theo bắc nam.

Câu 2: Rừng lá kim của Hoa Kỳ phân bố chủ yếu ở

- A. ven Đại Tây Dương. B. sâu trong vùng nội địa.
C. ven Thái Bình Dương. D. phía nam vịnh Mê-hi-cô.

Câu 3: Vùng ven biển của Hoa Kỳ thuận lợi cho phát triển

- A. dịch vụ hàng hải. B. chỉ phát triển du lịch.
C. khai thác khoáng sản biển. D. tổng hợp kinh tế biển.

Câu 4: Ngành công nghiệp tạo ra doanh thu lớn và thu hút lao động của Hoa Kỳ là

- A. công nghiệp điện tử - tin học. B. công nghiệp hàng không vũ trụ.
C. công nghiệp hóa chất – cơ khí. D. công nghiệp hàng tiêu dùng.

Câu 5: Sản phẩm của ngành công nghiệp điện tử tin học Hoa Kỳ là

- A. các loại vũ khí hiện đại. B. phần mềm, linh kiện điện tử.
C. máy bay, luyện kim màu. D. công nghiệp hàng tiêu dùng.

Câu 6: Điều kiện tự nhiên để phát triển nông nghiệp Hoa Kỳ là

- A. đất đai, nguồn nước, khí hậu. B. khoáng sản, khí hậu, sinh vật.
C. lao động, thị trường, chính sách. D. khoa học kỹ thuật, nguồn nước.

Câu 7: Cây trồng chiếm diện tích lớn nhất và sản lượng hàng đầu thế giới Hoa Kỳ là

- A. lúa mì, bông. B. ngô và đậu nành.
C. ngô, lúa mì. D. lúa gạo, bông.

Câu 8: Loại hình giao thông đóng vai trò quan trọng trong việc xuất khẩu hàng hóa Hoa Kỳ là

- A. đường hàng không. B. đường ô tô. C. đường sắt. D. đường biển.

Câu 9: Vị trí địa lý Liên bang Nga là

- A. nằm ở phía bắc lục địa Á-Âu. B. giáp Đại Tây Dương ở phía đông.
C. nằm biệt lập ở phía tây đất nước. D. lãnh thổ rộng lớn với 4 múi giờ.

Câu 10: Lãnh thổ trải dài từ tây sang đông nên Liên bang Nga

- A. có nhiều múi giờ.
- B.** có đường bờ biển dài.
- C. chỉ có 10 múi giờ.
- D.** đường biên giới dài.

Câu 11: Đặc điểm không đúng về dân cư Liên bang Nga?

- A. Là nước đông dân, tỉ lệ sinh giảm mạnh.
- B.** Tỉ lệ dân thành thị khá cao, cơ cấu dân số già.
- C. Dân cư phân bố không đồng đều ở các vùng.
- D. Có khoảng 100 dân tộc, ít nhất là người Nga.

Câu 12: Nằm ở trung tâm của phần lãnh thổ Liên bang Nga thuộc châu Âu là

- A. vùng Trung ương.
- B.** vùng trung tâm đất đen.
- C. vùng Bắc Cáp-ca.
- D.** vùng U-ran.

Câu 13: Ngành giữ vai trò chủ đạo của nền kinh tế Liên bang Nga là

- A. năng lượng.
- B. công nghiệp.
- C. nông nghiệp.
- D.** dịch vụ.

Câu 14: Liên bang Nga là quốc gia xuất khẩu nông sản nào lớn nhất thế giới?

- A. lúa gạo.
- B. lúa mì.
- C. ngô.
- D.** yến mạch.

Câu 15: Ở Nhật Bản mùa đông kéo dài, lạnh là đặc điểm khí hậu của khu vực

- A. phía bắc Nhật Bản.
- B.** phía nam Nhật Bản.
- C. khu vực trung tâm Nhật Bản.
- D.** ven biển Nhật Bản.

Câu 16: Biển Nhật Bản có nguồn hải sản phong phú là do

- A. có nhiều bão, sóng thần.
- B.** có diện tích rộng lớn nhất.
- C. nằm ở vùng vĩ độ cao nên có nhiệt độ cao.
- D. giao thoa dòng biển nóng, lạnh.

Câu 17: Sản xuất nông nghiệp ở Nhật Bản hoàn toàn phát triển theo hướng thâm canh vì

- A. đất nông nghiệp quá ít, không có khả năng mở rộng.
- B.** sản xuất thâm canh có chi phí cao.
- C. sản xuất thâm canh, nhiều lợi nhuận, chi phí thấp.
- D.** Nhật Bản thiếu lao động, sản xuất thâm canh.

Câu 18: Ngành vận tải biển của Nhật Bản phát triển mạnh là do

- A. vị trí địa lí và đặc điểm lãnh thổ.
- B.** công nghiệp cơ khí phát triển từ lâu đời.

C. dân số đông, nhu cầu giao lưu lớn.

D. ngành đánh bắt hải sản phát triển.

Câu 19: Đặc điểm nổi bật của dân cư Nhật Bản là

A. quy mô dân số không lớn.

B. tập trung chủ yếu ở miền núi.

C. tốc độ gia tăng dân số thấp.

D. cơ cấu dân số trẻ hóa.

Câu 20: Nhật Bản nằm ở khu vực nào dưới đây?

A. Đông Á.

B. Nam Á.

C. Bắc Á.

D. Tây Á.

Câu 21: Biên giới Trung Quốc với các nước chủ yếu là

A. núi cao và hoang mạc.

B. núi thấp và đồng bằng.

C. đồng bằng và hoang mạc.

D. núi thấp và hoang mạc.

Câu 22: Đặc điểm địa hình của miền Đông Trung Quốc là

A. nhiều núi cao và cao nguyên xen lẫn bồn địa.

B. đồng bằng chiếm diện tích lớn.

C. nhiều đồi và núi thấp.

D. địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều núi cao và thung lũng.

Câu 23: Đặc điểm khí hậu miền Đông Trung Quốc là

A. nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, mưa nhiều.

B. ôn đới gió mùa, cận nhiệt gió mùa.

C. khí hậu lục địa khô cằn.

D. khí hậu lạnh giá quanh năm.

Câu 24: Ngành công nghiệp nào sau đây của Trung Quốc đứng đầu thế giới?

A. Công nghiệp khai thác than.

B. Công nghiệp chế tạo máy bay.

C. Công nghiệp đóng tàu.

D. Công nghiệp hóa dầu.

Câu 25: Đặc điểm nào dưới đây là thế mạnh tự nhiên quan trọng nhất để miền Tây Trung Quốc phát triển lâm nghiệp và chăn nuôi?

A. Đồng bằng lớn.

B. Rừng và đồng cỏ.

C. Khí hậu gió mùa.

D. Vùng biển rộng.

Câu 26: Cây trồng chiếm vị trí quan trọng nhất về diện tích và sản lượng ở Trung Quốc là

A. Cây công nghiệp.

B. Cây lương thực.

C. Cây ăn quả.

D. Cây thực phẩm

Câu 27: Đặc điểm nổi bật của sông ngòi Nam Phi là

A. ngắn, dốc.

B. lưu vực sông rộng lớn.

C. lưu lượng nước nhỏ.

D. nguồn cung cấp nước là băng tan.

Câu 28: Đặc điểm nổi bật của dân cư Nam Phi là

A. quy mô dân số không lớn.

B. tập trung chủ yếu ở miền núi.

C. tốc độ gia tăng dân số giảm.

D. cơ cấu dân số trẻ hóa.

Câu 29: Cây lương thực chủ yếu của Cộng hòa Nam Phi là

A. Lúa mì và ngô.

B. Lúa gạo.

C. Bắp.

D. Khoai lang.

Câu 30: Mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Nam Phi là

A. dầu mỏ.

B. vàng, kim cương.

C. than đá.

D. apatit.

PHẦN 2: LÍ THUYẾT

Câu 1: Trình bày đặc điểm nổi bật của xã hội Trung Quốc?

- Có nền văn hóa lâu đời, phát triển rực rỡ.
- Cái nôi của nền văn minh cổ đại, nhiều di sản thế giới.
- Chú ý đầu tư cho phát triển giáo dục, tỉ lệ người biết chữ trên 96%.

Câu 2: Trình bày sự phát triển của ngành lâm nghiệp Nhật Bản?

- Được chú trọng phát triển. Có diện tích rừng lớn và ổn định trong nhiều năm.
- Rừng trồng chiếm khoảng 40% tổng diện tích rừng.
- Khai thác và chế biến gỗ có sự tăng trưởng nhanh.

Câu 3: Hãy nêu điểm nổi bật về lãnh thổ Liên Bang Nga?

- Diện tích lớn nhất thế giới: khoảng 17 triệu km².
- Bao gồm phần lớn đồng bằng Đông Âu và toàn bộ phần Bắc Á.
- Đường biên giới trên đất liền khoảng 20 000 km và đường bờ biển gần 38 000 km.

PHẦN 3: THỰC HÀNH

VỀ VÀ NHẬN XÉT BIỂU ĐỒ CỘT